

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/DS-PT

Ngày: 25/01/2022

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Phước Hưng.

Ông Phạm Tấn Tài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Yên Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Trường San - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 01 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2021/TLPT-DS ngày 19 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 10/2021/DS-ST ngày 04 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện S., tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 120/2021/QĐ-PT ngày 11 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐPT-DS ngày 07 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần E.; Địa chỉ trụ sở: Tầng 8 – V., số 72 đường L. và 45A đường L., phường B, Quận 1, Thành phố H..

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Q. – Chức vụ: Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đoàn Văn A. - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần E. – Chi nhánh An Giang (*Theo Giấy ủy quyền số 256/2018/EIB/UQ-TGD ngày 28/12/2018*)

Người được ủy quyền lại: Ông Huỳnh Phùng Hoàng H. – Chức vụ: Trưởng Phòng Khách hàng cá nhân; Địa chỉ: Số 46 H., phường M., thành phố L., tỉnh An Giang (*Theo Giấy ủy quyền số 606/2020/EIBAG/UQ ngày 31/12/2020*) (Có mặt)

2. *Bị đơn*: Ông Khuru Hùng D., sinh năm 1972; Nơi cư trú: Ấp B1, xã V., huyện S., tỉnh An Giang (Vắng mặt)

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.; Địa chỉ trụ sở: Số 34A-34B phố H., phường P., quận H., Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền:

+ Ông Võ Văn T. – Tổ trưởng Tổ xử lý nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần A. – Chi nhánh An Giang

+ Ông Cao Trọng C. – Chuyên viên Tổ xử lý nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần A. – Chi nhánh An Giang

Địa chỉ: Số 31/1 T., phường M., thành phố L., tỉnh An Giang (*Theo Giấy ủy quyền số 722/2020/GUQ-TGD ngày 07/12/2020*)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần E. do ông Huỳnh Phùng Hoàng H. là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 09/11/2011, Ngân hàng Thương mại Cổ phần E. – Chi nhánh An Giang đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 1502-LAV-201101995 với ông Khuru Hùng D., cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 100.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Tiêu dùng;
- Thời hạn vay: Từ ngày 09/11/2011 đến ngày 09/11/2016;
- Lãi suất cho vay: 1,917%/tháng (23%/năm);

(Lãi suất này cố định trong 03 tháng đầu. Sau đó, lãi suất và chu kỳ điều chỉnh lãi suất sẽ thay đổi theo biểu lãi suất E. công bố dành riêng cho chương trình này, chu kỳ thay đổi 01 tháng/lần)

- Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn;
- Lịch trả nợ gốc: Nợ gốc được trả thành 60 kỳ, mỗi kỳ cách nhau 01 tháng;
- Lịch trả nợ gốc và lãi: Hàng tháng vào ngày 15 tây.

Tính đến ngày 17/02/2020, ông Khuru Hùng D. đã trả được 122.962.071 đồng, trong đó: Vốn là 75.123.000 đồng và lãi là 47.839.071 đồng. Còn nợ lại số tiền: 47.745.896 đồng, trong đó: Vốn là 24.877.000 đồng; lãi trong hạn là 16.338.182 đồng; lãi quá hạn là 6.530.713 đồng.

Tài sản thế chấp: Tín chấp – Có giấy cam kết bảo lãnh trả thay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A. – Chi nhánh An Giang.

Đến ngày 15/9/2015, ông Khuru Hùng D. đã vi phạm cam kết theo các

điều khoản ghi trong hợp đồng tín dụng về việc trả nợ vay nên Ngân hàng đã chuyển hợp đồng tín dụng trên sang nợ quá hạn.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Khuru Hùng D. phải trả toàn bộ và một lần số nợ của Hợp đồng tín dụng trên cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần E.: Số tiền 53.569.560 đồng (*trong đó: Tiền vốn: 24.877.000 đồng; lãi tính đến ngày 04/02/2021: Lãi trong hạn: 20.241.107 đồng; lãi quá hạn: 8.451.453 đồng*). Trường hợp ông Khuru Hùng D. không thanh toán đầy đủ số tiền trên và các khoản lãi phát sinh cho Ngân hàng thì yêu cầu Ngân hàng Thương mại Cổ phần A. – Chi nhánh An Giang phải thanh toán số tiền này như đã cam kết.

Yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh với mức lãi suất theo khế ước nhận nợ số 1502-LDS-201104531 ngày 09/11/2011 cho đến khi thanh toán xong.

Bị đơn ông Khuru Hùng D.: Quá trình giải quyết vụ án, ông D. đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến nên không thể ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Thương mại Cổ phần A. do ông Cao Trọng C. và ông Võ Văn .là đại diện trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần A. không đồng ý trả nợ thay ông Khuru Hùng D. theo yêu cầu của nguyên đơn bởi các lý do sau:

Theo quy định tại điểm b Điều 4 Quyết định số 26/2006/QĐ-NHNN về Quy chế bảo lãnh Ngân hàng quy định: *“Tổ chức tín dụng không được bảo lãnh với những khách hàng là cán bộ, nhân viên của tổ chức tín dụng đó thực hiện việc thẩm định, quyết định bảo lãnh”* và theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 127 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: *“Tổ chức tín dụng không được cấp tín dụng không có bảo đảm, cấp tín dụng với điều kiện ưu đãi cho người thẩm định, xét duyệt cấp tín dụng”*.

Tại thời điểm cấp tín dụng, ông Khuru Hùng D. là Phó Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần A. – Chi nhánh An Giang, là người có thẩm quyền phê duyệt cấp tín dụng (trong đó có quyết định bảo lãnh). Việc ông Nguyễn Lô G. lấy tư cách là người đại diện Ngân hàng Thương mại Cổ phần A. – Chi nhánh An Giang ký cam kết bảo lãnh cho ông Khuru Hùng D. không có bảo đảm là không đúng theo quy định của pháp luật và cam kết này cũng không phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm giao kết.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Quyết định số 26/2006/QĐ-NHNN về Quy chế bảo lãnh Ngân hàng cũng quy định về các nội dung tối thiểu của cam kết bảo lãnh phải có quy định về số tiền bảo lãnh nhưng giấy cam kết không thể hiện số tiền trả nợ thay là không phù hợp quy định pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 10/2021/DS-ST ngày 04 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện S. tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần E. đối với bị đơn là ông Khuru Hùng D..

Buộc ông Khuru Hùng D. có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần E. số tiền 53.569.560 (*Năm mươi ba triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm sáu mươi*) đồng. Trong đó: Tiền vốn: 24.877.000 đồng; lãi tính đến ngày 04/02/2021 gồm: Lãi trong hạn: 20.241.107 đồng; lãi quá hạn: 8.451.453 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 04/02/2021), ông Khuru Hùng D. còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Khuru Hùng D. phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần E. về việc yêu cầu Ngân hàng Thương mại Cổ phần A. có trách nhiệm trả nợ thay ông Khuru Hùng D. (bao gồm nợ gốc và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong) trong trường hợp ông Khuru Hùng D. không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18/2/2021 Ngân hàng Thương mại Cổ phần E. có đơn kháng cáo một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2021/DSST ngày 04/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện S.; Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận buộc bên bảo lãnh là Ngân hàng Thương mại Cổ phần A. – Chi nhánh An Giang trả nợ thay toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh của ông Khuru Hùng D. cho đến khi thanh toán hết nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 11/10/2021: Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa để thu thập thêm chứng cứ.

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần E. đã cung cấp Quyết định số 853/2009/EIB/QĐ-TGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2009 của Tổng Giám đốc về việc ban hành Quy định về cho vay đối với cán bộ công nhân viên của các tổ chức khác.

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần A. – Chi nhánh An Giang đã cung cấp Quyết định số 20/QĐ-HĐQT/10 ngày 09 tháng 02 năm 2010 của Hội đồng Quản trị Ngân hàng Thương mại Cổ phần A. về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A..

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Đại diện nguyên đơn ông Huỳnh Phùng Hoàng H. trình bày: Vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày ở cấp sơ thẩm. Căn cứ Điều 122, Điều 373 Bộ luật dân sự năm 2005, đơn vị đã thực hiện đúng theo quy định, hồ sơ đã được thực hiện đầy đủ các thủ tục, các điều kiện của giao dịch dân sự; có đầy đủ các thành phần ký tên trên bảng lương; do đó giấy cam kết đã có hiệu lực. Yêu cầu cấp phúc

thẩm xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn ông Khuru Hùng D. vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến.

Đại diện người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Cao Trọng C. và ông Võ Văn T. vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày ở cấp sơ thẩm. Ông Nguyễn Lô G. không có giấy ủy quyền của Tổng giám đốc khi ký bảo lãnh thay và trên giấy cam kết không thể hiện số tiền vay nên không có giá trị pháp lý. Yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Hợp đồng tín dụng số 1502-LAV-20110 ngày 09/11/2011 được giao kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần E. với ông Khuru Hùng D. đã thể hiện ý chí tự nguyện giữa hai bên. Do ông D. vi phạm nghĩa vụ trả số nợ đã vay nên nguyên đơn khởi kiện. Quá trình giải quyết vụ án, ông D. không có ý kiến phản bác yêu cầu của nguyên đơn nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện, buộc ông D. trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần E. số tiền vốn 24.877.000 đồng, lãi trong hạn 20.241.107 đồng, lãi quá hạn 8.451.453 đồng tạm tính đến ngày 04/02/2021 là có căn cứ. Đối với giấy cam kết bảo lãnh trả thay ký ngày 08/11/2011, xét với vai trò là Quyền giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần A. – Chi nhánh An Giang, ông Nguyễn Lô G. tại thời điểm ký giấy cam kết không được Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần A. ủy quyền ký giấy cam kết bảo lãnh nợ cho ông D. vay của tổ chức tín dụng khác. Giấy cam kết bảo lãnh này không thực hiện đúng quy định của pháp luật, do đó cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần E. buộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần A. trả thay số tiền vốn và lãi mà ông Khuru Hùng D. còn nợ là có căn cứ. Ngân hàng Thương mại Cổ phần E. kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ngân hàng Thương mại Cổ phần E. kháng cáo trong hạn luật định và có nộp tạm ứng án phí đầy đủ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.2] Về áp dụng pháp luật: Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần E. – chi nhánh An Giang với ông Khuru Hùng D. được ký kết ngày

09/11/2011. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005, Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 để giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[1.3] Về xác định tư cách người tham gia tố tụng: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu Ngân hàng Thương mại Cổ phần A. – Chi nhánh An Giang có nghĩa vụ trả nợ thay ông Khuru Hùng D. trong trường hợp ông D. không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên, Ngân hàng Thương mại Cổ phần A. – Chi nhánh An Giang là chi nhánh trực thuộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần A. nên không thể tự mình tham gia quan hệ pháp luật một cách độc lập mà phải do pháp nhân là Ngân hàng Thương mại Cổ phần A. tham gia. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định Ngân hàng Thương mại Cổ phần A. tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định.

[1.4] Về sự có mặt của đương sự: Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng bị đơn ông Khuru Hùng D. vẫn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay thấy rằng: Ngày 09/11/2011, ông Khuru Hùng D. đã ký Hợp đồng tín dụng số 1502-LAV-201101995 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần E. – chi nhánh An Giang để vay số tiền 100.000.000 đồng theo hình thức vay tín chấp (có giấy cam kết bảo lãnh trả thay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A. – Chi nhánh An Giang). Đến ngày 15/9/2015 ông D. đã vi phạm cam kết theo các điều khoản ghi trong hợp đồng tín dụng về việc trả nợ vay cho nên Ngân hàng Thương mại Cổ phần E. – Chi nhánh An Giang đã chuyển hợp đồng tín dụng trên sang nợ quá hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Khuru Hùng D. đã trả được tiền vốn là 75.123.000 đồng còn nợ lại tiền vốn là 24.877.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 04/02/2021 là 28.692.560 đồng (gồm: lãi trong hạn 20.241.107 đồng, lãi quá hạn 8.451.453 đồng) theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tạo điều kiện cho ông D. đến hòa giải, đối chiếu số tiền còn nợ nhưng ông D. vắng mặt và cũng không có văn bản nào nêu ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Khuru Hùng D. có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần E. số tiền vốn 24.877.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 04/02/2021 là 28.692.560 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán xong nợ là có căn cứ.

[2.2] Xét yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần E. về việc yêu cầu Ngân hàng Thương mại Cổ phần A. – Chi nhánh An Giang có nghĩa vụ thanh toán thay cho ông Khuru Hùng D. trong trường hợp ông D. không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.2.1] Xét về hình thức, Hợp đồng tín dụng số 1502-LAV-201101995 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần E. – Chi nhánh An Giang với ông Khuru Hùng D. là hợp đồng tín chấp. Căn cứ theo Điều 372 của Bộ luật dân sự năm 2005, bên thứ ba bảo lãnh tín chấp phải là các tổ chức chính trị xã hội như Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Công đoàn Việt Nam, Hội nông dân Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam và Hội cựu chiến binh Việt Nam, do đó trong trường hợp này Ngân hàng Thương mại Cổ phần A. – Chi nhánh An Giang không phải là chủ thể bên bảo lãnh, không đúng với quy định của pháp luật.

[2.2.2] Ngoài ra, theo Giấy cam kết (Bảo lãnh trả thay) ngày 08/11/2011 do ông Nguyễn Lô G., chức vụ Quyền Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần A. – Chi nhánh An Giang ký thì bên bảo lãnh là Ngân hàng Thương mại Cổ phần A. – Chi nhánh An Giang. Tuy nhiên, căn cứ khoản 4 Điều 92 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: “..... Văn phòng đại diện, chi nhánh không phải là pháp nhân. Người đứng đầu văn phòng đại diện, chi nhánh thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của pháp nhân trong phạm vi và thời hạn được ủy quyền...” Như vậy, vào thời điểm ký Giấy cam kết (Bảo lãnh trả thay) ông Nguyễn Lô G. giữ chức vụ quyền Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần A. – Chi nhánh An Giang. Căn cứ quy định của pháp luật và điều lệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A. thì Chi nhánh An Giang không phải là pháp nhân và xét với vai trò là Quyền Giám đốc của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A. – Chi nhánh An Giang thì tại thời điểm ký cam kết ông Giang không phải là người đại diện hợp pháp của pháp nhân - Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.. Việc ông Giang ký bảo lãnh cho ông Khuru Hùng D. vay nợ của tổ chức tín dụng khác không được người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A. ủy quyền nên Giấy cam kết (Bảo lãnh trả thay) ngày 08/11/2011 do ông Giang ký là không đúng thẩm quyền vì vậy không phát sinh hiệu lực.

[2.2.3] Đồng thời, căn cứ khoản 3 Điều 92 Bộ luật dân sự năm 2005 thì “..... Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc của pháp nhân....”. Do đó, Ngân hàng Thương mại Cổ phần A. – Chi nhánh An Giang không phải là pháp nhân mà chỉ là đơn vị trực thuộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần A. nên không thể tự mình tham gia quan hệ pháp luật một cách độc lập mà phải do pháp nhân là Ngân hàng Thương mại Cổ phần A. tham gia. Vì vậy, việc Ngân hàng Thương mại Cổ phần E. yêu cầu Chi nhánh An Giang thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho ông Khuru Hùng D. là không có cơ sở.

Từ đó có đủ căn cứ xác định, việc bảo lãnh của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A. – Chi nhánh An Giang theo Giấy cam kết (Bảo lãnh trả thay) ngày 08/11/2011 không có hiệu lực thi hành. Do đó, việc Ngân hàng Thương mại Cổ phần E. yêu cầu Ngân hàng Thương mại Cổ phần A. – Chi nhánh An Giang có nghĩa vụ thanh toán nợ thay ông Khuru Hùng D. trong trường hợp ông D. không thực hiện nghĩa vụ thanh toán là không có cơ sở chấp nhận.

Tuy nhiên, trong phần quyết định của bản án, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên “... Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần E. về việc

yêu cầu Ngân hàng Thương mại Cổ phần A. có trách nhiệm trả nợ thay ông Khuru Hùng D....” là chưa chính xác. Bởi vì, trong vụ án này nguyên đơn yêu cầu Chi nhánh An Giang có nghĩa vụ trả thay chứ không yêu cầu Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.; nhưng do Chi nhánh An Giang là chi nhánh trực thuộc không thể tham gia nên Tòa án đã đưa Ngân hàng Thương mại Cổ phần A. là pháp nhân đại diện tham gia với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; do đó cấp phúc thẩm sẽ điều chỉnh lại cách tuyên.

[3] Từ những phân tích trên cho thấy cấp sơ thẩm xem xét không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần E. là có căn cứ. Ngân hàng Thương mại Cổ phần E. kháng cáo nhưng tại phiên tòa hôm nay cũng không cung cấp được chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu của mình. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nguyên đơn; chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Ngân hàng Thương mại Cổ phần E. phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần E.. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2021/DS-ST ngày 04/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện S., tỉnh An Giang.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần E.. Buộc ông Khuru Hùng D. có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần E. số tiền 53.569.560 đồng (Năm mươi ba triệu năm trăm sáu mươi chín ngàn năm trăm sáu mươi đồng). Trong đó: Tiền vốn 24.877.000 đồng; lãi tính đến ngày 04/02/2021 gồm: lãi trong hạn 20.241.107 đồng, lãi quá hạn 8.451.453 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 04/02/2021), ông Khuru Hùng D. còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Khuru Hùng D. phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần E. về việc yêu cầu Ngân hàng Thương mại Cổ phần A. – Chi nhánh An Giang có trách nhiệm trả nợ thay ông Khuru Hùng D. (bao gồm nợ gốc và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong) trong trường hợp ông Khuru Hùng D. không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ngân hàng Thương mại Cổ phần E. phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008260 ngày 17/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S..

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện;
- THADS huyện;
- Phòng KTNV & THA;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Đường sự “Để thi hành”;
- Lưu: HS; TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Hồng